TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CAO THẮNG
KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

BẢNG ĐIỂM (THI LẠI)

HỌC KỲ: 1

MÔN: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG SỐ TIẾT: 30 SỐ TC: 2

GV: PHẠM ĐÌNH HUẤN LOẠI: LT

STT	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	C.CẦN	ĐIỂM TBKT	THI L2	T.KẾT L2	GHI CHÚ
1	0304191004	Nguyễn Hữu	Bằng	02/07/2001	CĐ NL 19A	8.0	5.0	6.0	5.8	
2	0304191008	Nguyễn Đăng	Cường	07/06/2001	CĐ NL 19A	8.0	5.5	5.0	5.5	
3	0304191027	Hồ Minh	Hiếu	31/08/2001	CĐ NL 19A	7.0	7.0	5.0	6.0	
4	0304191045	Nguyễn Duy	Khương	19/09/1999	CĐ NL 19A	7.0	5.0	5.0	5.2	
5	0304191052	Lê Đào Nhật	Linh	02/02/2001	CĐ NL 19A	8.0	5.0	5.0	5.3	
6	0304191054	Nguyễn Hải	Lộc	13/02/1999	CĐ NL 19A	6.0	7.5	4.0	5.6	
7	0304191058	Nguyễn Nhật	Minh	25/07/2001	CĐ NL 19A	6.0	7.0	4.0	5.4	
8	0304191061	Nguyễn Minh	Nghĩa	12/11/2001	CĐ NL 19A	8.0	6.5	7.0	6.9	
9	0304191068	Cao Tấn	Phát	16/08/2001	CĐ NL 19A	8.0	5.5	5.0	5.5	
10	0304191071	Lê Thành	Phú	29/12/2001	CĐ NL 19A	7.0	6.5	4.0	5.3	
11	0304191080	Quách Quốc	Quy	03/03/2001	CĐ NL 19A	7.0	5.0	4.0	4.7	
12	0304191082	Lê Hồng	Sơn	03/01/2001	CĐ NL 19A	8.0	5.5	5.0	5.5	
13	0304191083	Lê Văn	Sơn	04/10/2001	CĐ NL 19A	10.0	5.5	5.0	5.7	
14	0304191085	Trần Thanh	Tâm	04/03/2001	CĐ NL 19A	8.0	6.5	7.0	6.9	
15	0304191091	Võ Minh	Thành	05/05/2001	CĐ NL 19A	8.0	5.0			
16	0304191092	Lê Đặng Quốc	Thảo	24/08/2001	CĐ NL 19A	5.0	5.0	5.0	5.0	
17	0304191100	Nguyễn Hoàng	Trung	01/05/2001	CĐ NL 19A	8.0	5.5	6.0	6.0	
18	0304191107	Nguyễn Quốc	Việt	21/01/2001	CĐ NL 19A	4.0	5.0	7.0	5.9	
19	0304191136	Hồ Văn	Hiếu	09/03/2001	CĐ NL 19B	7.0	6.0	4.0	5.1	
20	0304191142	Nguyễn Văn	Hiệp	25/03/2001	CĐ NL 19B	6.0	5.0	4.0	4.6	
21	0304191143	Huỳnh Tuấn	Hoà	24/03/2001	CĐ NL 19B	8.0	6.5	6.0	6.4	
22	0304191147	Đinh Gia	Huy	09/10/2001	CĐ NL 19B	4.0	3.0	4.0	3.6	
23	0304191148	Lê Gia	Huy	11/02/2001	CĐ NL 19B	7.0	6.5	6.0	6.3	
24	0304191158	Huỳnh Nguyễn	Lâm	28/08/2001	CĐ NL 19B	3.0	5.0	5.0	4.8	
25	0304191165	Lê Nguyễn Hoài	Nam	9/3/2001	CĐ NL 19B	6.0	4.0	5.0	4.7	
26	0304191169	Nguyễn Khôi	Nguyên	03/01/2001	CĐ NL 19B	3.0	4.5			
27	0304191189	Nguyễn Minh	Sơn	28/05/2001	CĐ NL 19B	8.0	4.5	5.0	5.1	
28	0304191192	Thạch Minh	Tâm	20/01/2001	CĐ NL 19B	0.0	2.0			
29	0304191201	Trịnh Minh	Tiến	11/08/2001	CĐ NL 19B	6.0	4.5	6.0	5.4	
30	0304191203	Huỳnh Văn	Toàn	25/03/2001	CĐ NL 19B	4.0	1.5	5.0	3.5	
31	0304191206	Phan Thành	Trung	10/03/2001	CĐ NL 19B	8.0	5.5	4.0	5.0	
32	0304191210	Lê Thanh	Tuấn	06/02/2001	CĐ NL 19B	4.0	6.0	6.0	5.8	
33	0304191214	Phan Đình	Văn	06/08/2001	CĐ NL 19B	4.0	4.5	4.0	4.2	

STT	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	C.CẦN	ĐIỂM TBKT	THI L2	T.KẾT L2	GHI CHÚ
34	0304191217	Nguyễn Anh	Vũ	02/08/2001	CĐ NL 19B	6.0	2.5	5.0	4.1	
35	0304191226	Phạm Minh	Cường	09/02/2001	CĐ NL 19C	9.0	5.5	4.0	5.1	
36	0304191236	Trần Quốc	Đạt	09/03/2001	CĐ NL 19C	9.0	5.0	5.0	5.4	
37	0304191238	Trần Đức	Hiền	05/09/2001	CĐ NL 19C	9.0	6.5	4.0	5.5	
38	0304191240	Nguyễn Hoàng	Hiệp	25/06/2001	CĐ NL 19C	9.0	3.0	5.0	4.6	
39	0304191241	Huỳnh Lâm	Hòa	02/09/2001	CĐ NL 19C	9.0	6.0	4.0	5.3	
40	0304191247	Trần Hoàng	Kha	30/01/2001	CĐ NL 19C	9.0	6.5	4.0	5.5	
41	0304191250	Nguyễn An	Khang	29/09/2001	CĐ NL 19C	8.0	6.0	6.0	6.2	
42	0304191252	Mai Quốc	Khánh	01/08/2001	CĐ NL 19C	9.0	5.0	4.0	4.9	
43	0304191254	Nguyễn Thanh	Khoa	5/8/2001	CĐ NL 19C	8.0	6.0	5.0	5.7	
44	0304191255	Trần Quang	Khoa	19/11/2001	CĐ NL 19C	9.0	7.0	4.0	5.7	
45	0304191270	Phan Đức	Nguyên	23/06/2001	CĐ NL 19C	9.0	3.0	5.0	4.6	
46	0304191273	Lê Minh	Nhật	09/09/2001	CĐ NL 19C	9.0	6.0	4.0	5.3	
47	0304191313	Lý Minh	Triết	27/06/2001	CĐ NL 19C	8.0	6.0	5.0	5.7	
48	0304191322	Đinh Minh	Tú	13/07/2001	CĐ NL 19C	9.0	3.0	6.0	5.1	
49	0304191326	Nguyễn Tấn	Vương	05/09/2001	CĐ NL 19C	8.0	6.0	4.0	5.2	

KHOA/BỘ MÔN

Ngày 05 tháng 06 năm 2020

GIÁO VIÊN BỘ MÔN

PHẠM ĐÌNH HUẤN